

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/01/2021

Về việc: “*Không công nhận quan
hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Thanh Sáng

2. Ông Đoàn Minh Tư

- *Thư ký phiên Tòa:* Bà Lê Thị Thanh Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2020/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Bà Lê Thị Kim C**, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện C, tỉnh B.

* *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Văn H**, sinh năm 1976 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2020, văn bản trình bày ý kiến ngày 07/12/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Kim C trình bày:*

Bà C và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 1998, trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà có hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc nên ông bà đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà C xét thấy tình cảm giữa bà và ông H không còn và do ông bà không có đăng ký kết hôn nên bà C yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

Về con chung: quá trình chung sống, bà C và ông H có 01 người con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 31/7/1998. Hiện con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: bà C trình bày không có.

Về nợ chung: bà C trình bày không có.

** Tại biên bản xác minh ngày 18/12/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông H và bà C chung sống với nhau vào năm 1997, trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà có hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay ông H xét thấy tình cảm giữa ông và bà C không còn và do ông bà không có đăng ký kết hôn nên ông thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa ông và bà C là vợ chồng.

Về con chung: ông H và bà C có 01 người con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 31/7/1998. Hiện con chung đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: ông H trình bày không có.

Về nợ chung: ông H trình bày không có.

Đồng thời, ông H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông do ông làm nghề cây kiềng, thời gian cận tết nguyên đán công việc nhiều nên không có thời gian đến Tòa án giải quyết vấn đề hôn nhân với bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà C thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C đối với ông H. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C với ông H.

Về con chung: ông H và bà C có 01 người con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 31/7/1998. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: bà C và ông H trình bày không có.

Về nợ chung: bà C và ông H trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, đề nghị của Kiểm sát sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng và quan hệ hôn nhân:

Tại biên bản xác minh ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, ông Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

Căn cứ vào đơn xin xác nhận đề ngày 02/11/2020 của bà Lê Thị Kim C gửi Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh B xác nhận là bà C, ông H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bà C, ông H đều khai thống nhất cho đến thời điểm hiện tại ông bà vẫn không có đăng ký kết hôn.

Bà C và ông H có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định, lẽ ra ông bà phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông bà không thực hiện. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ giữa bà C và ông H là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa bà Lê Thị Kim C và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà C, ông H có 01 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 31/7/1998. Hiện con chung đã trưởng thành, bà C và ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: bà C và ông H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: bà C và ông H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân sơ thẩm: bà Lê Thị Kim C phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 15, 16, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Không công nhận mối quan hệ giữa bà Lê Thị Kim C và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà C, ông H có 01 người con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 31/7/1998. Hiện con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: bà C và ông H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: bà C và ông H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kim C phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004457 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách. Bà Lê Thị Kim C đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Thị Kim C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Nga